TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-PT
Ngày 18 - 4 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Văn Thuyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLPT-DS ngày 10-11-2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 18-9-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT ngày 10-01-2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐ-PT ngày 25-01-2018, số: 18/2018/QĐ-PT ngày 13-02-2018, số: 23/2018/QĐ-PT ngày 13-3-2018 và số: 26/2018/QĐ-PT ngày 29-3-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn V; địa chỉ: Số 17, đường L, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thu H; địa chỉ: Số 65, đường Nay N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 06-6-2017) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N; địa chỉ: Số 116, thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Năm, Luật sư văn phòng luật sư Đức Duy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 90, đường Y Ngông, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Hoàng Văn H; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt;

3.2. Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt;

3.3. Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Số 365/172, đường V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt;

3.4. Ông Vũ Đình N; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định - Vắng mặt;

3.5. Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt;

3.6. Ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt;

3.7. Ông Phan Thanh T; địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh P là bị đơn - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-5-2011 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào các ngày 20 - 4 - 2011 và 24 - 4 - 2011 ông Trần Văn V đã cho ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N vay số tiền là 4.811.500.000đ *(Bốn tỷ tám trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* thỏa thuận khi nào ông Trần Văn V yêu cầu thì ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N phải trả số tiền nêu trên. Do ông Trần Văn V nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N không trả nên ông Trần Văn V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N trả số tiền nêu trên. Ngày 15-03-2013 ông Trần Văn V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.211.500.000đ *(Một tỷ hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* với lý do chứng cứ gốc đã bị thất lạc và yêu cầu ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N trả số tiền 3.600.000.000đ (*Ba tỷ sáu trăm triệu đồng*).

Ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N là bị đơn trình bày: Giữa ông Nguyễn Thanh P, bà Phạm Thị N và ông Trần Văn V có quan hệ kinh doanh chung hàng nông sản, thỏa thuận bằng lời nói cùng hưởng lãi và chịu thua lỗ nếu có. Thực tế trong quá trình kinh doanh do bạn hàng người Trung Quốc không tiếp tục nhập hàng và giá cả nông sản xuống thấp so với thời điểm chốt giá tại các đại lý, dẫn đến bị thua lỗ nên ông Trần Văn V phải chịu chung thiệt hại. Đối với số tiền 3.600.000.000 đồng ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N đã nhận của ông Trần Văn V đây là số tiền góp vốn kinh doanh chung do đó, ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V. Ngày 22-6-2013 ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N có đơn phản tố, đề nghị Tòa án xem xét trừ số tiền 3.420.821.000 đồng ông Trần Văn V phải trả ông Nguyễn Thanh P và bạn hàng vào số tiền đã vay của ông Trần Văn V. Đến ngày 23-01-2015 ông Nguyễn Thanh P tiếp tục có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn V

trả số tiền 4.154.321.500 đồng cho ông Nguyễn Thanh P và bạn hàng để trừ vào số tiền ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N đã vay của ông Trần Văn V.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 18-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V: Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N phải trả cho ông Trần Văn V số tiền 3.600.000.000đ *(Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)*. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 24-6-2011 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút để đảm bảo cho việc thi hành án. Chấp nhận việc ông Trần Văn V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ xét xử đối với số tiền 1.211.500.000đ *(Một tỷ hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-10-2017, ông Nguyễn Thanh P kháng cáo yêu cầu Tòa án: Xác định giữa ông Nguyễn Thanh P và ông Trần Văn V có quan hệ làm ăn chung chứ không phải là vay tiền; giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh P; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V và đưa thêm người liên quan vào tham gia tố tụng để bảo đảm quyền lợi của họ.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 18-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút. Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh P có quyền khởi kiện thành một vụ án khác vì ngày 21-3-2013 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2013/QĐST-DS, đến ngày 23-01-2015 ông Nguyễn Thanh P nộp đơn yêu cầu phản tố là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 176 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P:

1.1. Tại *"Giấy vay tiền"* ngày 24-4-2011 giữa ông Nguyễn Thanh P, bà Phạm Thị N và ông Trần Văn V (bút lục số 99) có nội dung: *"Tôi Nguyễn Thanh P cùng vợ là Phạm Thị N, cư trú: 116 thôn T, xã E, huyện C, Đăk Nông có mượn tiền Trần*

Văn V cư trú D, Lào Cai số tiền 3.600.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng). Chúng tôi đã nhận đủ số tiền trên". Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N thừa nhận nội dung trên. Mặt khác, *"Giấy vay tiền"* không thể hiện nội dung góp vốn cùng kinh doanh. Như vậy, theo quy định tại Điều 471 và Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thỏa thuận trên giữa các bên là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất. Do đó, ông Trần Văn V có quyền yêu cầu trả số tiền nêu trên bất kỳ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý.

1.2. Ngày 21-3-2013 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2013/QĐST-DS (bút lục số 94). Ngày 22-6-2013 ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N có đơn phản tố, đề nghị Tòa án xem xét trừ số tiền 3.420.821.000 đồng ông Trần Văn V phải trả cho ông Nguyễn Thanh P và bạn hàng vào số tiền ông Nguyễn Thanh P, bà Phạm Thị N đã viết giấy vay của ông Trần Văn V (bút lục số136). Đến ngày 20-01-2015 ông Nguyễn Thanh P tiếp tục có đơn phản tố, yêu cầu ông Trần Văn V trả số tiền 4.145.321.000 đồng để trừ vào số tiền ông Nguyễn Thanh P đã viết giấy vay của ông Trần Văn V. Tuy nhiên, ngày 16-4-2016 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút ban hành Thông báo về việc thụ lý đơn phản tố của ông Nguyễn Thanh P và ngày 20-7-2016 ban hành Quyết định số: 20/2016/QĐST-DS đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố với căn cứ *"Người yêu cầu phản tố chưa đủ điều kiện yêu cầu phản tố"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự (bút lục số 284). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án án nhân dân huyện Cư Jút thụ lý đơn phản tố và đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh P là không đúng pháp luật, cụ thể khoản 3 Điều 176 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định: *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử"*; khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*. Song, nội dung đình chỉ yêu cầu phản tố không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Thanh P. Trường hợp ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N cho rằng giữa ông, bà và ông Trần Văn V có quan hệ kinh doanh chung, trong quá trình kinh doanh bị thua lỗ nên ông Trần Văn V phải chịu chung trách nhiệm, thì ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác và yêu cầu Tòa án đưa những người có quyền lợi liên quan đến vụ án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2]. Ngày 21-3-2013 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2013/QĐST-DS. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút còn ban hành các Quyết định đưa vụ án ra xét xử: số: 64/2013/QĐST-DS ngày 17-9-2013, số: 72/2013/QĐST-DS ngày 06-11-2013, số: 84/2013/QĐST-DS ngày 30-12-2013, số: 22/2014/QĐST-DS ngày 24-02-2014 và số: 17/2017/QĐST-DS ngày 14-8-2017 là không đúng các quy định tại khoản 2 Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004; khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; hướng dẫn tại mục 3, phần III, Nghị quyết số: 02/2006/NQ-

HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004. Trường hợp, có căn cứ để hoãn phiên tòa thì Hội đồng xét xử ban hành quyết định hoãn phiên tòa, nếu đã ấn định được ngày mở lại phiên tòa, thì ghi rõ trong quyết định hoãn phiên tòa; nếu chưa ấn định được thì trong ghi quyết định sẽ được Tòa án sẽ thông báo sau; đồng thời khi mở lại phiên tòa thì phải Thông báo cho những người tham gia tố tụng biết địa điểm, thời gian. Bên cạnh đó, các căn cứ để ban hành các Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2013/QĐST-DS ngày 18-4-2013, số: 42/2013/QĐST-DS ngày 15-10-2013, số: 56/2013/QĐST-DS ngày 29-11-2013, số: 08/2014/QĐST-DS ngày 21-01-2014, số: 26/2014/QĐST-DS ngày 24-3-2014 không đúng với các quy định tại Điều 208 và vi phạm khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004. Ngoài ra, ngày 04-6-2014 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút ban hành Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án số: 03/2014/QĐST-DS với lý do chờ kết quả giám định, đến ngày 25-6-2014 Viện khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số: 1864/C54-P5, nhưng đến ngày 20-10-2014 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mới ban hành Thông báo số: 07/TB-TA về việc tiếp tục giải quyết vụ án và đến ngày 14-8-2017 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án, mặc dù không ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giải quyết nội dung vụ án, song dẫn đến việc giải quyết vụ án kéo dài và không đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu những vi phạm tố tụng trên để Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Từ những đánh giá, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P, có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 18-9-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 471, Điều 471 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 18-9-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông: Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N phải trả cho ông Trần Văn V số tiền 3.600.000.000đ *(Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày ông Trần Văn V có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

2. Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326 2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị N phải chịu 104.000.000đ *(Một trăm lẻ bốn triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn V số tiền tạm ứng án phí 28.200.000đ *(Hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số: 000929 ngày 20-5-2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Buộc ông Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000940 ngày 16-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
-VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cụcTHADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương